

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:14/2017/DS-ST.
Ngày: 22-9-2017.
V/v tranh chấp kiện đòi tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hồng Duy.

Các hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Tiến Bảo, bà Lê Thị Thu Hoài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Cường- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 50/2017/TLST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2017 về “Tranh chấp kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2017/QĐST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2017 và các Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2017/QĐST-DS, ngày 07 tháng 9 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2017/QĐST-DS, ngày 15 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị B, sinh năm 1959, có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện M, tỉnh Đắk Nông.

- Bị đơn: Ông Lê Văn S, sinh năm 1964 và bà Phan Thị V, sinh năm 1966, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 2, xã S, huyện Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Ngô Đăng T, sinh năm 1959, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn X, xã S, huyện M, tỉnh Đắk Nông

NỘI DUNG VỤ ÁN

1.Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 4 năm 2017 và lời khai trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Dương Thị B trình bày:

Từ năm 2009 đến năm 2011, giữa bà Dương Thị B và ông Lê Văn S, bà Phan Thị V có thỏa thuận bán cà phê nhân xô theo hình thức ông S, bà V nhận tiền trước và giao cà phê sau. Đến cuối năm 2011, bà B và ông S chốt sổ xác định số cà phê nhân xô ông S còn nợ chưa giao là 4.220 kg (cà phê không tính lãi). Ngày 15/11/2013, bà V đã viết lại giấy nhận nợ mới trong đó ông S, bà V công nhận còn nợ bà B 3.220 kg cà phê nhân xô (bà B đã giảm cho ông S, bà V 1000 kg) và số tiền mua phân bón là 14.220.000 đồng. Ông S và bà V cam kết trả nợ như sau: Ngày 10/11/2014 phải trả 600 kg cà phê nhân xô; Ngày 10/11/2015 phải trả 600 kg cà phê nhân xô; Ngày 11/11/2016 phải trả 600 kg cà phê nhân xô; Ngày 11/11/2017 phải trả 600 kg cà phê nhân xô; Ngày 11/11/2018 phải trả hết số cà phê nhân xô còn lại và số tiền 14.220.000 đồng.

Khi đến thời hạn thanh toán nợ của năm 2014 và 2015, ông S và bà V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Năm 2016, bà B đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông yêu cầu ông S, bà V phải trả 1.200 kg cà phê nhân xô. Tại bản án số: 14/2016/DSST, ngày 11/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã quyết định: Buộc ông Lê Văn S và bà Phan Thị V phải trả cho bà Dương Thị B 1.200 (một ngàn hai trăm) kg cà phê nhân xô R₂ 5%.

Ông S, bà V tiếp tục vi phạm nghĩa vụ trả nợ của năm 2016. Do đó, bà B khởi kiện yêu cầu ông S và bà V phải trả toàn bộ số tiền là 14.220.000 đồng và số 2.020 kg cà phê nhân xô R₂5%.

Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tổng đạt trực tiếp (bà V trực tiếp nhận) thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải cho bị đơn ông Lê Văn S và bà Phan Thị V nhưng ông S, bà V đều vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời không cung cấp chứng cứ liên quan đến vụ án.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Ngô Đăng T, trong quá trình giải quyết vụ án ông T có đơn trình bày gửi Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil với nội dung ông T không liên quan đến việc mua bán cà phê và phân bón của bà B do đó ông T không có ý kiến và yêu cầu gì đối với việc bà B khởi kiện ông S, bà V và có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn bà Dương Thị B đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 2.020kg cà phê nhân xô, trả số tiền 14.220.000 đồng và chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Bà Dương Thị B khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn S và bà Phan Thị V phải thanh toán số tiền 14.220.000 đồng và số 2.020 kg cà phê nhân xô R₂5%, đây là vụ án dân sự “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*” theo khoản 14 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tranh chấp này còn trong thời hiệu khởi kiện; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Lê Văn S và bà Phan Thị V đều cư trú tại thôn 2, xã S, huyện M, tỉnh Đắk Nông căn cứ khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil. Đối với bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: các giao dịch của bà B với ông S, bà V được thực hiện vào năm 2013, trước Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực. Nên cần áp dụng khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 và các Điều 121, Điều 255, Điều 256, Điều 280, Điều 285; Điều 289; Điều 292; Điều 303; Điều 305 của Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về nội dung tranh chấp:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị B yêu cầu ông Lê Văn S và bà Phan Thị V phải thanh toán số tiền 14.220.000 đồng và số 2.020 kg cà phê nhân xô R₂5%. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, có cơ sở xác định: Nghĩa vụ trả nợ của ông S, bà V được hình thành từ trước năm 2011, sau đó hai bên tiến hành đối chiếu công nợ vào ngày 12/12/2011, ngày 15/11/2013 hai bên thống nhất lại số nợ và cam kết trả nợ trong các năm 2014, 2015, 2016, 2017, 2018.

[4] Năm 2014 và 2015, ông S và bà V không trả nợ đúng hạn như đã cam kết trong giấy nhận nợ ngày 15/11/2013. Nên năm 2016, bà B đã khởi kiện yêu cầu ông S, bà V phải trả cho bà B số nợ đến hạn là 1.200kg cà phê nhân xô và đã được giải quyết tại bản án số: 14/2016/DSST, ngày 11/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã có hiệu lực pháp luật.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Văn S và bà Phan Thị V được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp được lời khai, ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, ông S, bà V phải chịu hậu quả về việc không chứng minh được. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã thu thập chứng cứ gồm: giấy xác nhận nợ do bà V và ông S ký, Bản tự khai, biên bản lấy lời khai của ông S, bà V, biên bản ghi lời khai đối chất, biên bản hòa giải, biên bản phiên tòa tại hồ sơ thụ lý số: 27/2016/TLST-DS ngày 29/02/2016 và bản án số: 14/2016/DSST, ngày 11/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, các chứng cứ nêu trên đều thể hiện: giấy nhận nợ ngày 15/11/2013, nội dung giấy nhận nợ là do bà V tự viết, sau đó ông S và bà V ký xác nhận nợ. Sau khi viết và ký giấy này, bà V nhận thấy bà B tính lãi quá cao và gia đình bà V cũng không có tài sản gì nên không trả đúng cam kết. Ông S khẳng định chữ ký trong giấy nhận nợ lập ngày 15/11/2013 là của ông S nhưng khi ký giấy này ông S đang say rượu không được tỉnh táo, bà V nói ký thì ký chứ không rõ nội dung. Sau này, ông S đọc lại giấy này thì ông không nhất trí vì đây là nợ riêng của bà V, không liên quan đến ông S. Xét giấy nhận nợ lập ngày 15/11/2013 là do bà V tự viết khi bà V hoàn toàn có đủ năng lực hành vi dân sự; ông S không chứng minh được và cũng không có căn cứ để xác định thời điểm ký giấy nhận nợ này ông S đang say rượu. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 92 Bộ Luật tố tụng dân sự “*Những tình tiết, sự kiện đã được xác định trong bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật...*” thì không phải chứng minh do đó Hội đồng xét xử công nhận giấy nhận nợ lập ngày 15/11/2013 là có thật và hợp pháp.

[7] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị B: Tại giấy nhận nợ lập ngày 15/11/2013, ông Lê Văn S và bà Phan Thị V công nhận còn nợ bà B 3.220 kg cà phê nhân xô R₂5% và 14.220.000 đồng, đồng thời cam kết trả nợ cho bà B theo định kỳ của từng năm 2014, 2015, 2016, 2017, 2018. Tuy nhiên khi đến hạn, ông S và bà V không thực hiện đúng cam kết là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo từng kỳ, hạn trả nợ năm 2017 và năm 2018 chưa tới nhưng ông S và bà V đã vi phạm về thời hạn thanh toán các năm 2014, 2015, 2016. Do đó, ông S và bà V chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự theo từng kỳ cũng bị coi là chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự. Tại đoạn 2 Điều 292

Bộ luật dân sự năm 2005 quy định “Việc chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự theo từng kỳ cũng bị coi là chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự”.

[8] Như vậy, bà B khởi kiện bà V, ông S đòi lại toàn bộ số tiền 14.220.000 đồng và số 2.020 kg cà phê nhân xô R₂5% là phù hợp. Tại Điều 256 BLDS quy định cụ thể về “Quyền đòi lại tài sản” thì: “*Chủ sở hữu, người chiếm hữu hợp pháp có quyền yêu cầu người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật đối với tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc quyền chiếm hữu hợp pháp của mình phải trả lại tài sản đó, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 247 của Bộ luật này. Trong trường hợp tài sản đang thuộc sự chiếm hữu của người chiếm hữu ngay tình thì áp dụng Điều 257 và Điều 258 của Bộ luật này*”. Do đó, bà B khởi kiện yêu cầu ông S, bà V phải trả số tiền 14.220.000 đồng và số 2.020 kg cà phê nhân xô R₂5% là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[9] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[10] Về án phí: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên ông Lê Văn S và bà Phan Thị V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Tòa án tiến hành xác minh tại công ty TNHH MTV Nông sản Thành Mai, ngày 22/9/2017, giá cà phê là: 43.000 đồng/kg. Giá trị tài sản tranh chấp là: (2.020kg cà phê nhân xô x 43.000đồng) + 14.220.000đồng = 101.080.000 đồng. Số tiền án phí dân sự sơ thẩm mà ông Lê Văn S và bà Phan Thị V phải nộp là: 5% x 101.080.000đồng = 5.054.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 14 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 121, Điều 255, Điều 256, Điều 280; Điều 285; Điều 289; Điều 292; Điều 303; Điều 305 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị B. Buộc ông Lê Văn S và bà Phan Thị V phải có nghĩa vụ trả cho bà Dương Thị B 2.020 kg (*Hai nghìn không trăm hai mươi kilogram*) cà phê nhân xô R₂ 5% và số tiền 14.220.000 đồng (*Mười bốn triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng*).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Lê Văn S và bà Phan Thị V phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 5.054.000đ (*Năm triệu không trăm năm mươi tư nghìn đồng*).

2.2. Bà Dương Thị B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.628.000 đồng (*Hai triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0004214, ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3.1. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015 đối với số tiền 14.220.000đ (*Mười bốn triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng*).

3.2. Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Lại Hồng Duy